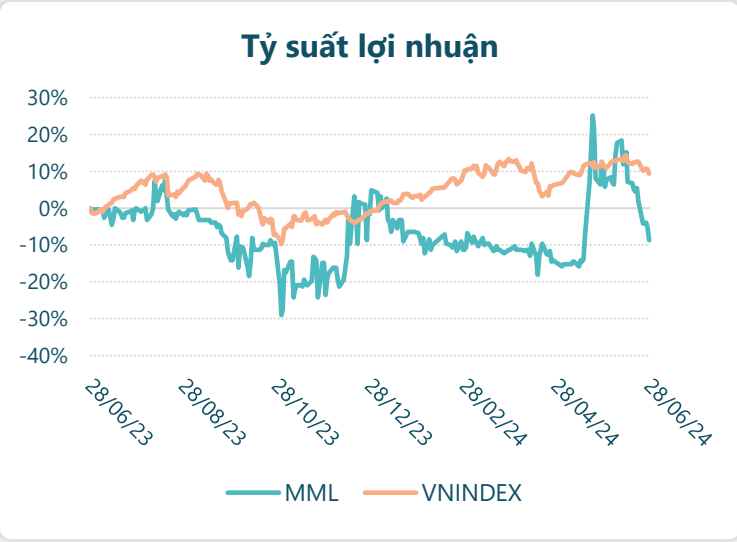


Ngày	28,300 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-15.8%	2.9%	-9.6%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	22,000 - 38,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,266
Số lượng CPLH (CP)	327,417,947
KLGD BQ 20 phiên (CP)	95,520
Sở hữu nước ngoài	2.0%
Beta	1.79
EPS	-652
P/E	-43.4



Doanh thu thuần
Q2/24

1,790

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 70.0 | 4.1%

YoY: ▲ 87.0 | 5.1%

Nợ/VCSH
Q2/24

189%

YoY: +/- ▲ 38.2%

LN gộp
Q2/24

428

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0 | 6.9%

YoY: ▲ 234 | 120%

ROE (TTM)
Q2/24

-4.4%

YoY: +/- ▲ 1.4%

LN trước thuế
Q2/24

-34.8

tỷ VNĐ

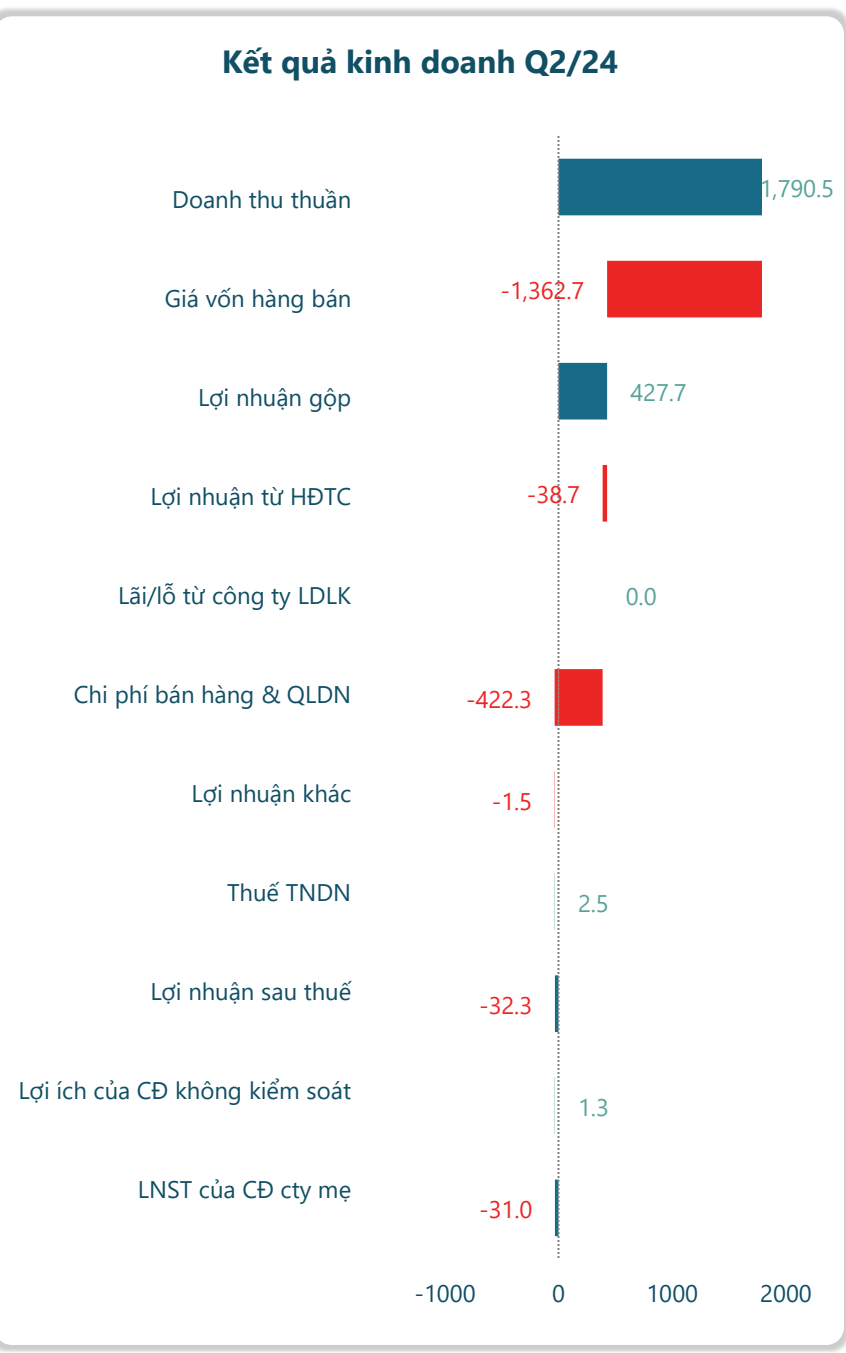
QoQ: ▲ 9.60 | 21.6%

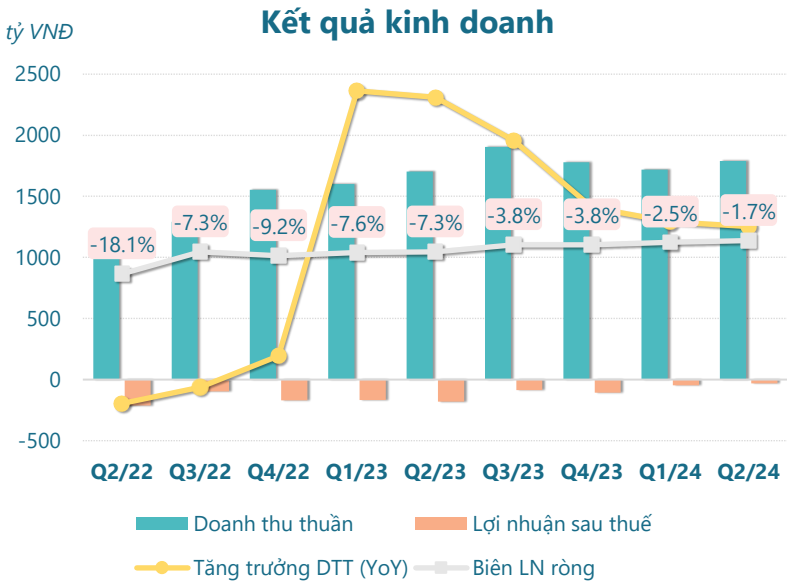
YoY: ▲ 147 | 80.9%

ROA (TTM)
Q2/24

-1.7%

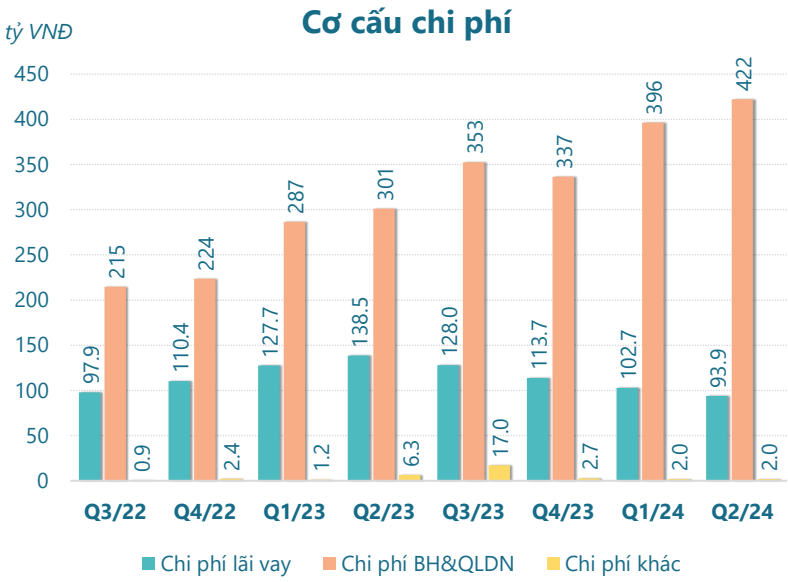
YoY: +/- ▲ 0.7%





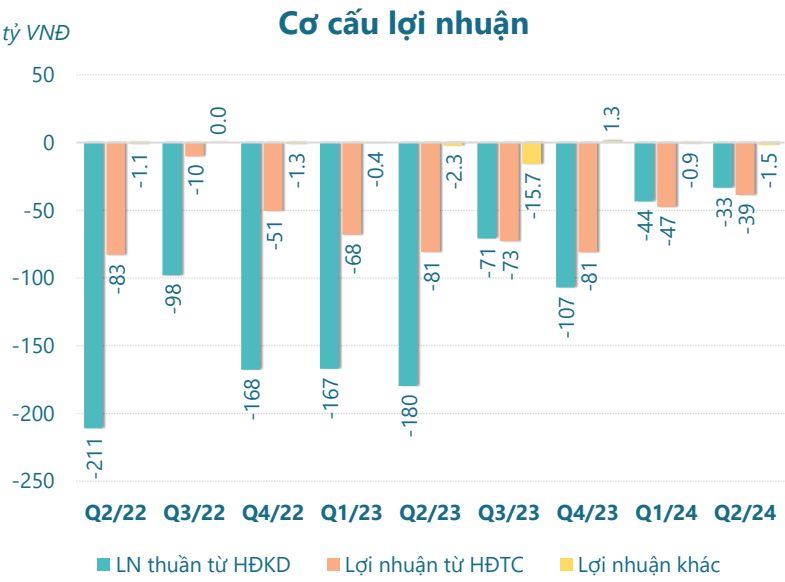
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** tăng thêm 10.23 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 146.5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 38.72 tỷ đồng** tăng thêm 8.67 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 42.00 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 1.52 tỷ đồng** giảm đi 0.59 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.73 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **MML** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,790 tỷ đồng** tăng thêm **5.13%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 32.31 tỷ đồng**, **tăng thêm 147.0 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **3,510 tỷ đồng** cao hơn 6.27% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **3,510 tỷ đồng** cao hơn 6.27% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -79.00 tỷ đồng** tăng thêm



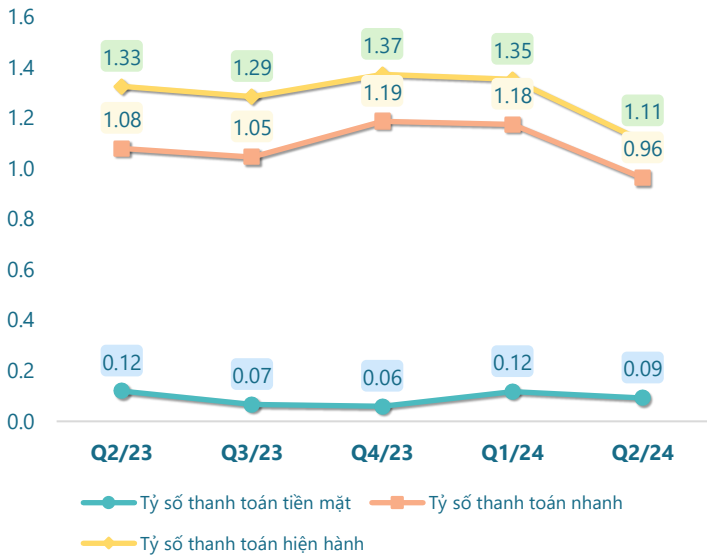
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **93.85 tỷ đồng** giảm đi 8.64% so với kỳ trước và thấp hơn 32.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **422.3 tỷ đồng** tăng thêm 6.54% so với kỳ trước và cao hơn 40.2% so với cùng kỳ năm trước.

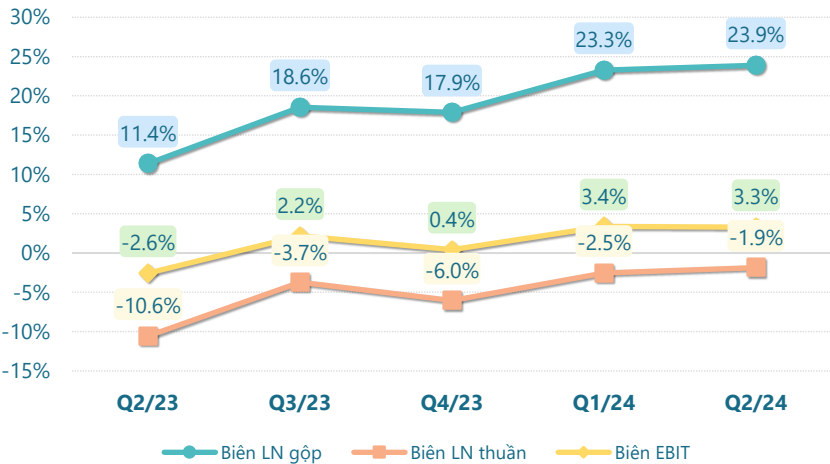
Chi phí khác bằng **1.96 tỷ đồng** giảm đi 1.51% so với kỳ trước và thấp hơn 69.1% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,790	1,720	4.1%	1,703	5.1%	3,510	3,303	6.3%
Giá vốn hàng bán	1,363	1,319	3.3%	1,509	-9.7%	2,682	2,922	-8.2%
Lợi nhuận gộp	428	400	6.9%	194	120%	828	381	117%
Doanh thu HĐTC	60.3	60.6	-0.5%	62.7	-3.8%	121	126	-3.9%
Chi phí TC	99.0	108	-8.3%	143	-30.7%	207	275	-24.6%
Chi phí lãi vay	93.9	103	-8.9%	138	-32.0%	197	266	-26.1%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		8.23	-100%	0	8.23	-100%
Chi phí bán hàng	337	314	7.5%	235	43.6%	652	463	40.8%
Chi phí QLDN	84.9	82.0	3.5%	65.7	29.2%	167	125	33.9%
LN thuần từ HĐKD	-33.3	-43.5	23.5%	-180	81.5%	-76.8	-347	77.9%
Lợi nhuận khác	-1.52	-0.93	-63.9%	-2.25	32.3%	-2.45	-2.63	6.7%
LN trước thuế	-34.8	-44.4	21.6%	-182	80.9%	-79.2	-349	77.3%
Lợi nhuận sau thuế	-32.3	-47.2	31.5%	-179	81.9%	-79.5	-348	77.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-31.0	-42.8	27.6%	-125	75.2%	-73.7	-246	70.0%

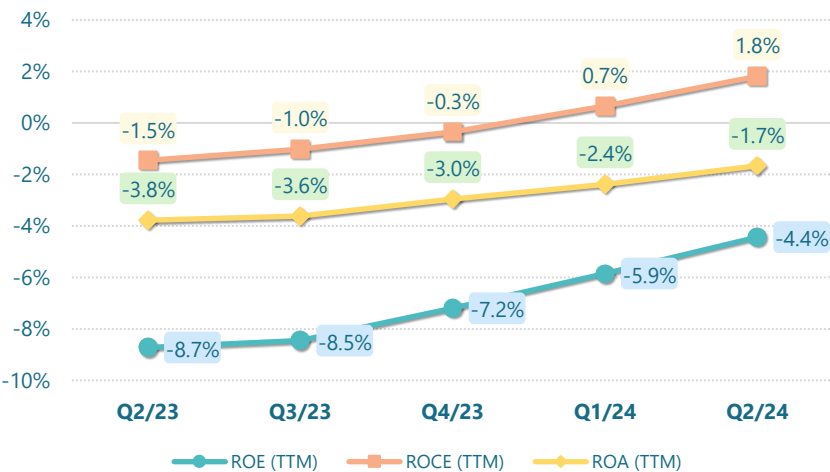
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

